

VAN CẦU REN INOX 316

NHÃN HIỆU	DR
TÊN SẢN PHẨM	VAN HƠI NỐI REN INOX 316 - 304
Kiểu Nối	Ren trong - BSPT / NPT(2đầu ren trong)
Thân Van	Thép không gỉ / Inox A 351 CF8M/316 & CF8/304
Nắp Van	Thép không gỉ / Inox A 351 CF8M/316 & CF8/304
Ty Van	Thép không gỉ / Inox SUS 304 & SUS 316
Đĩa Van	Thép không gỉ / Inox SUS 304 & SUS 316
Đệm Kín	Teflon - PTFE
Áp Lực	Làm việc maximum 200 PSI
Nhiệt Độ	Max 200°C
Kích Cỡ	DN 15A → DN 50A ~ (½" inch → 2" inch)
Sử Dụng	Hơi nóng, khí nén, nước, dầu, hóa chất,...
Tình Trạng	Hàng có sẵn, mới 100%
Xuất Xứ	Đài Loan
Đơn Giá	Xin liên hệ

DR -VALVE

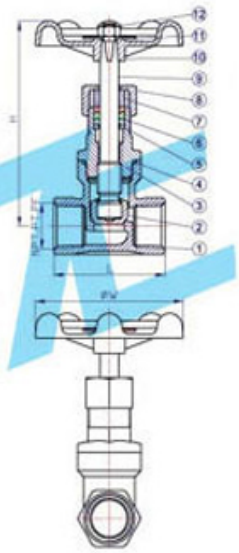
牙口截止閥

GLOBE VALVE CLASS 200 SCREWED END

特徵 FEATURES:

- 管螺紋按照 PIPE THREAD IN ACCORDANCE: NPT, BSPT, DIN 259, DIN 2999, ISO 228 CLASS A
- 精密鑄造 INVESTMENT CASTING BODY
- CLASS 200 W.O.G.





材質表 MATERIALS LIST:

NO.	部件名稱	PART NAME	材料 MATERIAL
			TC411
1	閥體	BODY	CF8M
2	閥碟	DISC	CF8M
3	閥蓋	CAP	CF8M
4	大薄片	GASKET	PTFE
5	止退片	WHORL GASKET	SUS304
6	中口	PACKING	PTFE
7	套筒	GLAND	SUS304
8	閥蓋螺母	CAP NUT	CF8M
9	軸心	STEM	SUS316
10	手輪	HANDLEWHEEL	ALUMINUM
11	銘牌	NAMEPLATE	ALUMINUM
12	螺母	NUT	SUS304

尺寸表 DIMENSIONS:

SIZE DN	SIZE NPS	L	H	W
8	1/4"	52	99	70
10	3/8"	52	99	70
15	1/2"	52	99	70
20	3/4"	66	107	80
25	1"	76	118	80
32	11/4"	86	150	90
40	11/2"	94	142	90
50	2"	118	167	100

Sản phẩm khác



Van cổng inox 304 nối hàn

Xem thêm Van cổng inox 304 nối hàn



Van cửa inox 304 nối hàn A182

Xem thêm Van cửa inox 304 nối hàn A182

Van cầu hơi inox a182

Xem thêm Van cầu hơi inox a182

Van cổng hàn lồng A105

Xem thêm Van cổng hàn lồng A105



Van hoi áp lực inox 304 nối hàn a105

Xem thêm Van hoi áp lực inox 304 nối hàn a105



Van cổng Mặt bích RF, A351-CF8M Class150

Xem thêm Van cổng Mặt bích RF, A351-CF8M Class150